TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 333/2023/DS-PT
Ngày 17-8-2023
V/v tranh chấp về yêu cầu thực hiện cam kết và giao tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 216/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện cam kết và giao tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 257/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 325/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H năm 1970; địa chỉ: số H, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Quản Đức N(Quản Thanh Tsinh năm 1955; địa chỉ: số I, đường số A, Phường A, Quận G, Thành phố H chỉ liên hệ: số F, đường số D, phường L, thành phố T, Thành phố H người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2022), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đức T năm 1973; địa chỉ: số G, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phan Thúc Đ năm 1988; địa chỉ: 4.13, chung cư C, đường Đ, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dươnglà người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2022), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Hồng N1sinh năm 1976, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2. Bà Lê Thị D năm 1985, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số G, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:* Bà Đặng Thị N1 năm 1959; địa chỉ: số G, khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Lê Thị H1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lê Thị H2 và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Quảng Đ1 N3thống nhất trình bày.*

Bà Lê Thị H3 Lê Đức T1bà Lê Hồng N1và bà L1 con của bà Đặng Thị H4(đã chết), là cháu ngoại của cụ Đặng Văn N2 cụ Trương Thị N3(đã chết). Cụ N4và cụ N5để lại di sản là diện tích đất thổ cư 540,8m^2 và căn nhà cấp 04 với diện tích 365,7m^2 tọa lạc tại số A, đường số D, khu phố C, phường L (nay là thành phố) T, T 2018, bà Đặng Thị N2là con của cụ N4cụ N5khởi kiện ông Đặng Văn T1 việc "Tranh chấp di sản thừa kế" do cụ N4và cụ N5chết để lại đối với tài sản nêu trên.

Ngày 10/7/2018, ông T1lập giấy cam kết có nội dung: ông bà ngoại ông T1có để lại khối di sản thừa kế gồm phần đất thổ cư có diện tích 540,8m^2 và căn nhà cấp 04 có diện tích 365,7m^2 tọa lạc tại địa chỉ: số A, đường số D, khu phố C, phường L (nay là thành phố) T, T nay, trong dòng tộc đang có tranh chấp tài sản giữa ông Đặng Văn T2(em trai mẹ ông T1bà Đặng Thị N4(em gái mẹ ông T1và các con của mẹ ông T3(bà Đặng Thị H5 cậu của ông T1là ông Đặng Văn T4 T1tự nguyện cam kết không tranh chấp gì khối tài sản này. Nếu cơ quan pháp luật xét xử cho mẹ ông T1là bà Đặng Thị H6 hưởng phần thừa kế của ông bà ngoại (cụ Đặng Văn N2 cụ Trương Thị N5thì toàn bộ tài sản này bà Lê Thị H7 02 em gái ông T1là bà Lê Hồng N5 bà Lê Ngọc D1 hưởng. Ông T1cam kết không tranh chấp và từ chối nhận phần tài sản thừa kế mà ông bà ngoại và mẹ ông T1để lại.

Theo Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2021/DS-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã giao diện tích đất thổ cư 540,8m^2 và căn nhà cấp 04 có diện tích 365,7m^2 tọa lạc tại số A, đường số D, khu phố C, phường L (nay là thành phố) T, Thành phố H ông Đặng Văn T5 T2có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế của cụ N4và cụ N5trong đó kỷ phần thừa kế mà bà Lê Thị H8 Lê Hồng N1bà Lê N6 D1và ông Lê Đức T6 người được hưởng là 1.257.943.562,5 đồng (tổng cộng 5.031.774.250 đồng). Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, ông Đặng Văn T7 tự nguyện thi hành xong nội dung bản án dân sự là thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị H8 L2 với số tiền 1.257.943.562,5 đồng của ông T1thì ông Đặng Văn T7 tự nguyện nộp vào Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành theo đơn yêu cầu thi hành án của ông T1Ngày 09/11/2022, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh trừ số tiền phí thi hành án dân sự là 37.738.307 đồng theo Quyết định số 36/QĐ-CCTHADS, số tiền còn lại là 1.220.205.256 đồng Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông Lê Đức T8 nay số tiền này đang bị Tòa án

nhân dân thành phố Dĩ An ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

Quá trình Tòa án 02 cấp của Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án nêu trên theo thủ tục sơ thẩm và phúc thẩm, ông Lê Đức T9 hợp tác, không tham gia tố tụng tại Tòa án vì cho rằng ông T1đã tặng cho phần di sản nêu trên cho bà H8 D1và bà N1nên không liên quan đến ông T1Bà Hbà D1và bà N1do tin tưởng ông T1sẽ thực hiện như cam kết nên cũng không giao nộp Giấy cam kết ngày 10/7/2018 cho Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra, theo nội dung bản án mỗi người phải đóng số tiền 49.738.307 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông T1vẫn không đóng nên bà H9 đóng thay nghĩa vụ án phí cho ông T1vào ngày 28/7/2022. Việc ông T1không đóng tiền án phí thể hiện ý chí từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ theo nội dung bản án dân sự.

Do vậy, bà Lê Thị H2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đức T10 hiện cam kết ngày 10/7/2018 là giao kỷ phần thừa kế với số tiền 1.257.943.563,5 đồng (hiện nay số tiền còn lại là 1.220.205.256 đồng) cho bà Lê Thị H8 L3 D1theo Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2021/DS-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho 03 người gồm bà Lê Thị H8 Lê Hồng N1bà Lê N6 D1mỗi người tương đương số tiền 406.735.085 đồng.

Bị đơn ông Lê Đức T11 người đại diện hợp pháp của ông T3 là ông Phan Thúc Đ2 nhất trình bày.

Ông Lê Đức T12 nhất với ý kiến trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và kỷ phần thừa kế mà ông T1được hưởng theo Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2021/DS-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trước yêu cầu khởi kiện của bà H3 T1không đồng ý vì lý do sau:

Giấy cam kết ngày 10/7/2018, do bà Đặng Thị N4(em gái của mẹ ông T1lập sẵn và đưa đến nhà yêu cầu ông T1ký, lúc này có bà Lê Thị H10 cùng và yêu cầu ông T1ký vào giấy cam kết nếu không sẽ cho giang hồ xử ông T13 bị bà H11 buộc, tác động, ông T1không hiểu biết về pháp luật và sợ hãi nên ký vào Giấy cam kết ngày 10/7/2018. Ông T1không biết giấy cam kết có nội dung gì vì bà N2không cho ông T1đọc. Sau khi ông T1ký xong, bà N2giữ lại tất cả các giấy tờ mà ông T1đã ký, ông T1cũng không được giữ lại bản nào. Theo nội dung Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2021/DS-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Lê Thị H8 Lê Hồng N1bà Lê N6 D1và ông Lê Đức T6 người được chia số tiền 1.257.943.562,5 đồng là phần tài sản thừa kế của bà Đặng Thị H6 hưởng đối với di sản thừa kế của cụ N4và cụ N5để lại.

Quá trình Tòa án 02 cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" giữa nguyên đơn bà Đặng Thị N7 bị đơn ông Đặng Văn T5 T1không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là do ông T1bị bệnh gan và phổi, khó khăn trong việc đi lại và không hiểu biết pháp luật nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Ngoài ra, do ông T1nghĩ rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình về việc chia di sản vẫn được đảm bảo theo đúng theo quy định của pháp luật nên ông T1không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, ông T1đã làm đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 1.257.943.562,5 đồng mà ông T1được hưởng. Sau khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông T1ông Đặng Văn T2đã tự nguyện nộp số tiền trên vào Cục Thi hành án dân sự

Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành. Ngày 09/11/2022, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh trừ số tiền phí thi hành án là 37.738.307 đồng. Đối với số tiền còn lại là 1.220.205.256 đồng cơ quan thi hành án đã chuyển vào tài khoản ngân hàng của ông Lê Đức T14 tiền này đang bị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ".

Trong quá trình giải quyết vụ án tranh chấp thừa kế tài sản tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, ông T1không biết có sự tồn tại của Giấy cam kết ngày 10/7/2018 và nội dung của giấy cam kết này nên không biết để có ý kiến với Tòa án về vấn đề này. Khi bà H12 kiện ông T1tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thì ông T1mới biết là giấy cam kết này có nội dung ông T1từ chối nhận kỷ phần thừa kế và kỷ phần ông T1được hưởng sẽ giao cho bà H8 D1và bà N8 lập giấy cam kết này là không đúng quy định của pháp luật vì tại thời điểm ký Giấy cam kết ngày 10/7/2018, ông T1chưa có quyền đối với tài sản nên ông T1không có quyền tặng cho người khác, giấy cam kết chưa được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật và quá trình giải quyết tranh chấp thừa kế tại Tòa án thì bà Lê Thị H2, bà L4 giao nộp để Tòa án ghi nhận trong bản án nên Giấy cam kết ngày 10/7/2018 không có giá trị thi hành theo quy định theo quy định của pháp luật. Do vậy, ông T1không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Hđề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" đối với ông T3

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Hồng N5 bà Lê Ngọc D2 nhất trình bày:

Thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H13 cam kết ngày 10/7/2018, do bà Đặng Thị N9 thành 04 bản và đưa cho ông T1ký. Sau khi ông T1ký xong, bà H3 T1bà N1bà D1mỗi người giữ 01 bản. Bà N1và bà D1không chứng kiến việc ông T1ký vào Giấy cam kết ngày 10/7/2018. Việc ông T1ký vào giấy cam kết là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Giấy cam kết được lập trước khi bà N2khởi kiện vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh do các chị em có yêu cầu ông T1cùng tham gia khởi kiện nhưng ông T1từ chối tham gia nên bà N2mới lập giấy cam kết. Quá trình Tòa án hai cấp tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án "Tranh chấp về thừa kế tài sản" giữa nguyên đơn bà Đặng Thị N7 bị đơn ông Đặng Văn T15 bà N1và bà D1không hiểu biết pháp luật và cho rằng giữa 04 chị em đã thỏa thuận với nhau bằng Giấy cam kết ngày 10/7/2018 như vậy là xong nên không có ai giao nộp giấy cam kết cho Tòa án khi giải quyết vụ án về thừa kế tài sản. Bà N1và bà D1đề nghị Tòa án tuyên buộc ông T1thực hiện theo thỏa thuận tại Giấy cam kết ngày 10/7/2018, chia số tiền còn lại 1.220.205.256 đồng cho 03 người gồm bà Lê Thị H8 Lê Hồng N1bà Lê N6 D1mỗi người tương đương số tiền 406.735.085 đồng.

Người làm chứng bà Đặng Thị N10 bày:

Bà Đặng Thị H4(chết năm 2016) là mẹ của bà H3 T1bà N1bà D1Bà H1được hưởng phần di sản của cụ N4và cụ N11 khi bà H1chết thì ông T1nói sẽ cho bà H8 N1bà D1phần di mà T1được hưởng nên bà N2đã làm 04 bản Giấy cam kết ngày 10/7/2018. Vào sáng ngày 10/7/2018, một mình bà N2đưa 04 bản Giấy cam kết ngày 10/7/2018 đến nhà cho ông T1ký, ông T1tự nguyện ký vào giấy cam kết, bà N2không ép buộc hay thuê giang hồ ép buộc ông T1ký vào giấy cam kết. Sau khi ông T1ký xong, bà N2đưa cho bà H3 T1bà N1bà D1mỗi người giữ 01 bản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Không chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H14 với bị đơn ông Lê Đình T16 việc "Tranh chấp tặng cho di sản thừa kế".

2. Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự về số tiền 1.220.205.256 đồng đối với tài khoản số: 060292960649, chủ tài khoản: ông Lê Đức T17 tại Ngân hàng S– Chi nhánh T22, Thành phố H quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ; bà Lê Thị H15 nhận lại số tiền 240.000.000 đồng là tài sản bảo đảm tại Ngân hàng N20 nhánh thành phố D - S(theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 07/2022/QĐ-BPBĐ ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/5/2023, nguyên đơn bà Lê Thị H1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L3 D1có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị H16 ông Quản Đức N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L3 D1có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Lê Thị H16 ông Quản Đức N trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng pháp luật không đúng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H bà N12 và bà D1cụ thể như sau: thứ nhất, bản án sơ thẩm nhận định Giấy cam kết ngày 10/7/2018 có nội dung phù hợp Điều 5 của Bộ luật Dân sự quy định về áp dụng tập quán nhưng vụ án không thuộc trường hợp áp dụng tập quán để giải quyết vụ án; thứ hai, bản án sơ thẩm nhận định trường hợp ông T1lập giấy cam kết thuộc trường hợp tặng cho kỷ phần thừa kế nhưng lại áp dụng trường hợp từ chối di sản thừa kế là sai vì kỷ phần thừa kế là phần thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc mà được chia theo pháp luật. Trường hợp của ông T1không phải thuộc trường hợp từ chối nhận di sản, người phân chia di sản không phải là Tòa án nên việc bản án sơ thẩm nhận định các chị em ông T1không gửi giấy cam kết của ông T1đến Tòa án để Tòa án phân chia di sản nên chưa phát sinh hiệu lực pháp luật là chưa phù hợp; thứ ba, nhận định hành vi lập giấy cam kết của ông T1là hành vi pháp lý đơn phương, cũng là một giao dịch dân sự. Đối chiếu với quy định tại các Điều 116, 239, 275 của Bộ luật Dân sự thì giấy cam kết của ông T1là hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh nghĩa vụ. Ông T1lập giấy cam kết được xem thực hiện hành vi ông T1từ bỏ quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản của mình. Nội dung cam kết đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Theo nội dung giấy cam kết thì quyền tài sản của bà H8 N1 và bà D1phát sinh kể từ khi tuyên bố kỷ phần bà H1được được nhận là 5.031.774.250 đồng. Đây là tài sản chung của ông T1bà Hbà D1và bà N13 án phúc thẩm đã xác định sở hữu chung theo phần mỗi người được nhận ¼ tương ứng số tiền 1.257.943.562,5 đồng. Hành vi pháp lý đơn phương (từ chối nhận phần sở hữu của mình theo giấy cam kết) của ông T1đã làm phát sinh nghĩa vụ của ông T3 nên ông T1phải thực hiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Giấy cam kết ngày 10/7/2018, có nội dung *"nếu cơ quan pháp luật xét xử cho bà Đặng Thị H6 hưởng di sản do ông bà ngoại để lại thì toàn bộ tài sản được chia sẽ cho bà H8 N1và bà D1được hưởng, ông T1không tranh chấp và từ chối nhận"*. Các đương sự đều thừa nhận chữ ký trong giấy cam kết là của ông T1và giấy cam kết này được lập tại thời điểm vụ án "Tranh chấp thừa kế về tài sản" giữa bà Đặng Thị N14 ông Đặng Văn T18 được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định văn bản cam kết này là văn bản từ chối nhận di sản và việc bà H8 N1bà D1không nộp văn bản này cho Tòa án phân chia di sản nên chưa phát sinh hiệu lực là chưa phù hợp, bởi lẽ: việc lập giấy cam kết của ông T1là hành vi pháp lý đơn phương (xuất phát từ ý chí cá nhân ông T1tự chấm dứt quyền sở hữu đối với tài sản của mình đối với phần tài sản hình thành trong tương lai (vì tại thời điểm lập cam kết ông T1chưa được hưởng khối tài sản này). Thực tế, ông T1không tham gia trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cả hai cấp cho thấy ông T1không quan tâm đến việc giải quyết vụ án tranh chấp di sản thừa kế của bà ngoại ông T1để lại. Sau khi có phán quyết của Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông bà ngoại ông T1là cụ N4và cụ N5để lại thì ông T1cũng không thực hiện nghĩa vụ đóng án phí đối với số tiền 49.738.307 đồng mà người thực hiện nộp số tiền này là bà H

Theo nội dung giấy cam kết thì quyền tài sản của bà H8 N1 bà D1phát sinh kể từ khi tuyên bố kỷ phần bà H1được được nhận là 5.031.774.250 đồng. Đây là tài sản chung của ông T1bà Hbà D1và bà N13 án phúc thẩm đã xác định sở hữu chung theo phần mỗi người được nhận ¼ tương ứng với số tiền 1.257.943.562,5 đồng. Hành vi pháp lý đơn phương (từ chối nhận phần sở hữu của mình theo giấy cam kết) của ông T1đã làm phát sinh nghĩa vụ của ông T19 T1thừa nhận việc xác lập giao dịch và ký tên trong bản cam kết thì ông T1phải thực hiện.

Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa khách quan, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp. Kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bán án dân sự sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L và người làm chứng bà Đặng Thị N15 đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N1và bà D1theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà N2theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Lê Thị H2 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Đức T10 hiện cam kết ngày 10/7/2018 là giao kỷ phần thừa kế với số tiền 1.257.943.563,5 đồng (hiện nay số tiền còn lại là 1.220.205.256 đồng) cho bà Lê Thị H8 L3 D1theo Bản án dân sự phúc

thẩm số 390/2021/DS-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cho 03 người gồm bà Lê Thị H8 Lê Hồng N1và bà Lê Ngọc D3 người tương đương số tiền 406.735.085 đồng. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện cam kết và giao tài sản" nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp tặng cho di sản thừa kế" là chưa phù hợp. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện cam kết và giao tài sản".

[3] Năm 2018, bà Đặng Thị N16 chấp thừa kế về tài sản đối với ông Đặng Văn T20(bà N2và ông T2là dì ruột và cậu ruột của bà H3 T1bà N1và bà D1đối với nhà và đất tại địa chỉ: số A, đường số D, khu phố C, phường L (nay là thành phố) T, Thành phố Hồ Chí MinhTrong vụ án này, bà Lê Thị H3 L1 bà Lê Ngọc D4 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (là hàng thừa kế thứ hai của cụ N4và cụ N5Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2021/DS-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử và tuyên: bà Lê Thị H8 Lê Hồng N1bà Lê N6 D1và ông Lê Đức T6 người được hưởng di sản thừa kế với số tiền là 1.257.943.562,5 đồng.

[4] Căn cứ vào bản án phúc thẩm nêu trên, ngày 11/8/2022, ông Lê Đức T21 đơn yêu cầu thi hành án đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 390/2021/DS-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Lê Thị H17 kiện yêu cầu ông T1giao lại kỷ phần thừa kế được hưởng là số tiền 1.257.943.563,5 đồng (số tiền còn lại là 1.220.205.256 đồng sau khi cơ quan thi hành án trừ số tiền phí thi hành án dân sự là 37.738.307 đồng theo Quyết định số 36/QĐ-CCTHADS ngày 09/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) cho bà Lê Thị H8 Lê Hồng N1và bà Lê Ngọc D5 Giấy cam kết đề ngày 10/7/2018.

[5] Giấy cam kết ngày 10/7/2018 có nội dung: *"Tôi là con trai bà ĐẶNG THỊ H2– là chái ngoại ông bà ĐẶNG VĂN N6– TRƯƠNG THỊ NHÀN.*

Ông bà ngoại tôi chết để lại khối di sản thừa kế gồm phần đất thổ cư 540,8m^2 và căn nhà cấp 4 có diện tích 365,7m^2 tọa lạc tại địa chỉ 1 đường số D, khu phố C, phường L, quận T, TP .

Hiện nay trong dòng tộc đang có tranh chấp tài sản này giữa ông ĐẶNG VĂN T5(em trai mẹ tôi), bà ĐẶNG THỊ N17(em gái mẹ tôi) và các con của mẹ tôi (ĐẶNG THỊ HẾT) với cậu tôi là ĐẶNG VĂN TỐT.

Tôi cam kết không tranh chấp gì khối tài sản này. Nếu cơ quan pháp luật xử cho mẹ tôi là Đặng Thị H1được hưởng phần thừa kế của ông bà ngoại (Đặng Văn N18– Trương Thị N5thì toàn bộ tài sản này chị tôi Lê Thị H7 em gái tôi là Lê Thị H18 N8và Lê N6 D1được hưởng.

Tôi cam kết không tranh chấp và từ chối nhận phần tài sản thừa kế mà ông bà ngoại và mẹ tôi để lại".

[6] Xét, các đương sự đều thừa nhận chữ ký trong giấy cam kết là của ông T1và giấy cam kết này được lập tại thời điểm vụ án tranh chấp thừa kế về tài sản giữa bà Đặng Thị N14 ông Đặng Văn T18 được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm. Tuy nhiên, bà H8 D1và bà N8không giao nộp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại khoản 2 và khoản 3 Điều 620 của Bộ luật Dân sự quy định:

"2. Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản và gửi đến người quản lý di sản, những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản để biết.

3. Việc từ chối nhận di sản phải được thể hiện trước thời điểm phân chia di sản".

Căn cứ quy định viện dẫn trên, thì sau khi ông T1lập giấy cam kết với nội dung từ chối nhận di sản của cụ N4và cụ N5thì bà H3 T1bà D1và bà N8phải gửi văn bản này tới Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và gửi trước thời điểm phân chia di sản thừa kế (trước thời điểm Tòa án ban hành bản án). Tuy nhiên, các đương sự lại không nộp giấy cam kết trên và tại Bản án phúc thẩm số 390/2021/DS-PT ngày 03/12/2021 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định ông T1là người được hưởng di sản thừa kế của cụ N4và cụ N5với số tiền 1.257.943.562,5 đồng. Đến thời điểm hiện nay thì bản án phúc thẩm nêu trên vẫn đang có hiệu lực pháp luật. Do vậy, T6án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn về việc buộc ông T1thực hiện cam kết và giao lại kỷ phần được hưởng là có căn cứ.

[7] Nguyên đơn bà Lê Thị H1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L5 D1kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của nguyên đơn bà H7 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N8bà D1không được chấp nhận.

Tuy nhiên, do bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật chưa phù hợp nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm, điều chỉnh lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho phù hợp.

[8] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là không phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần bản án sơ thẩm về quan hệ pháp luật tranh chấp nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng N19 và bà Lê Ngọc D4

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương (về quan hệ pháp luật tranh chấp), như sau:

2.1. Xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện cam kết và giao tài sản".

2.2. Các phần khác của Bản án sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên gồm:

2.2.1. Không chấp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H14 với bị đơn ông Lê Đình T16 việc "Tranh chấp về yêu cầu thực hiện cam kết và giao tài sản".

2.2.2 Kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 11/2022/QĐ-BPKCTT ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ" theo quy định tại Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự về số tiền 1.220.205.256 đồng đối với tài khoản số: 060292960649, chủ tài khoản: ông Lê Đức T17 tại Ngân hàng S– Chi nhánh T22, Thành phố H quá trình giải quyết vụ án bị hủy bỏ; bà Lê Thị H15 nhận lại số tiền 240.000.000 đồng là tài sản bảo đảm tại Ngân hàng N20 nhánh thành phố D - S(theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 07/2022/QĐ-BPBĐ ngày 10/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

2.2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H19 chịu số tiền 20.269.403 đồng (hai mươi triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn bốn trăm lẻ ba nghìn đồng), được khấu trừ số tiền 10.386.290 đồng (mười triệu ba trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000714 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bà Lê Thị H19 nộp bổ sung số tiền 9.883.113 đồng (chín triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm mười ba đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị H8 Lê Hồng N8và bà Lê Ngọc D6 phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lê Thị H8 Lê Hồng N8và bà Lê Ngọc D3 người số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006356, số Fsố 0006354 cùng ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố D;
- TAND thành phố D;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Thị Mộng Tuyết